



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Mỹ thuật và Truyền Thông

Ngày 30/06/2025	19,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-9.3%	-1.0%

DT thuần Q2/25
64.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.20 7.1%
YoY: ▼25.4 -28.3%

LN thuần Q2/25
2.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.47 27.5%
YoY: ▼1.81 -45.3%

LN sau thuế Q2/25
1.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.12 8.4%
YoY: ▼1.74 -52.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
3.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

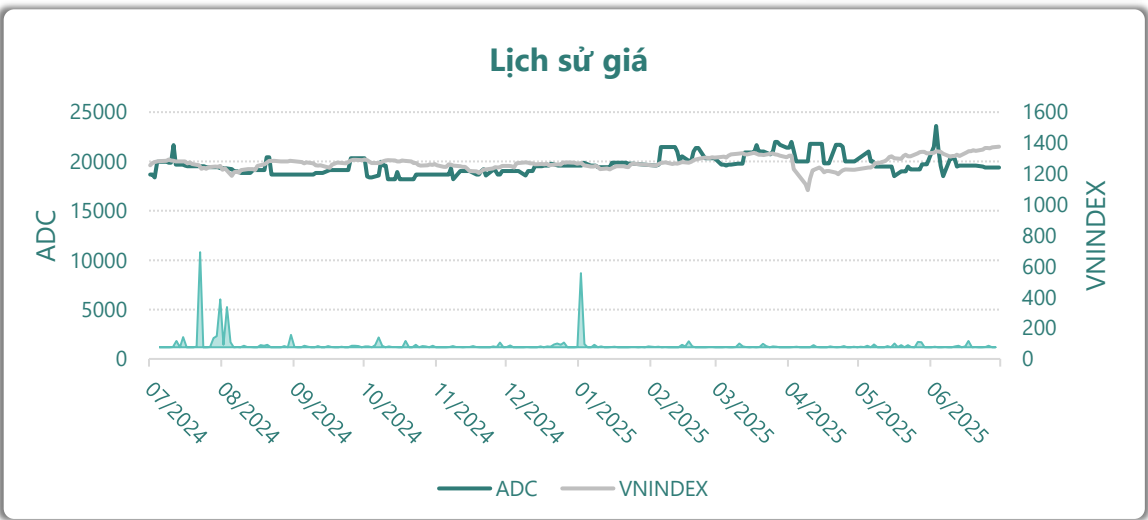
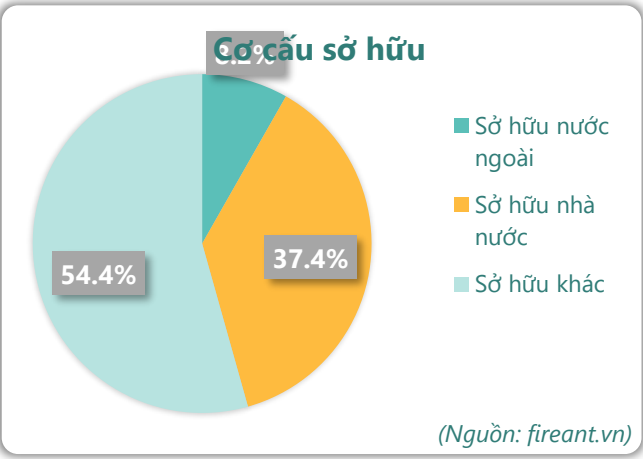
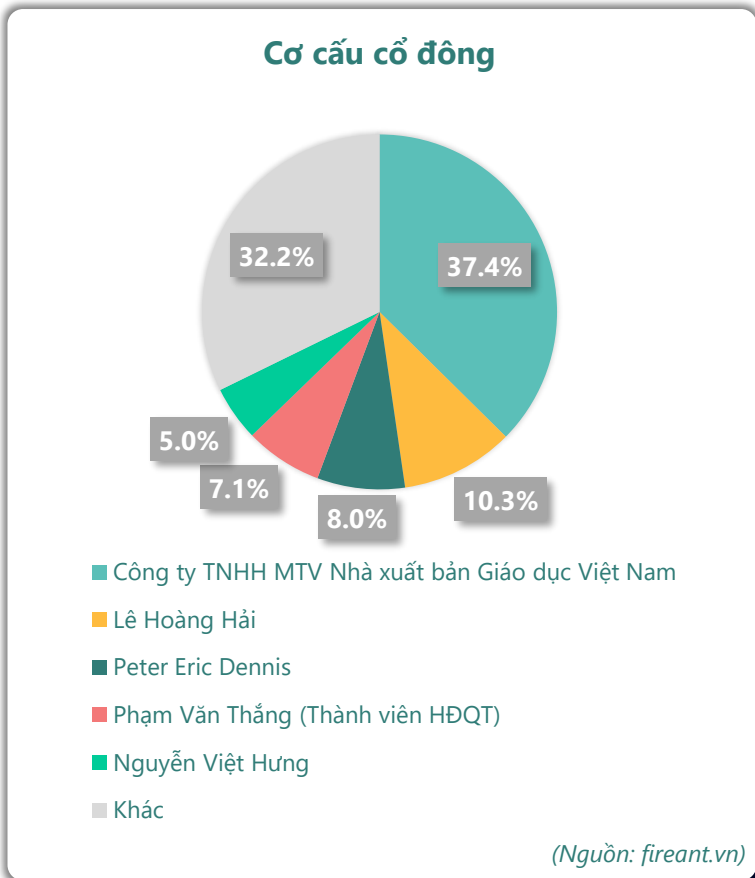
ROE (TTM) Q2/25
15.8%
YoY: +/-▼ 0.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	18,200 - 23,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	3,977,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,865
Sở hữu nước ngoài	8.2%
Beta	0.48
EPS	3,008
P/E	6.5

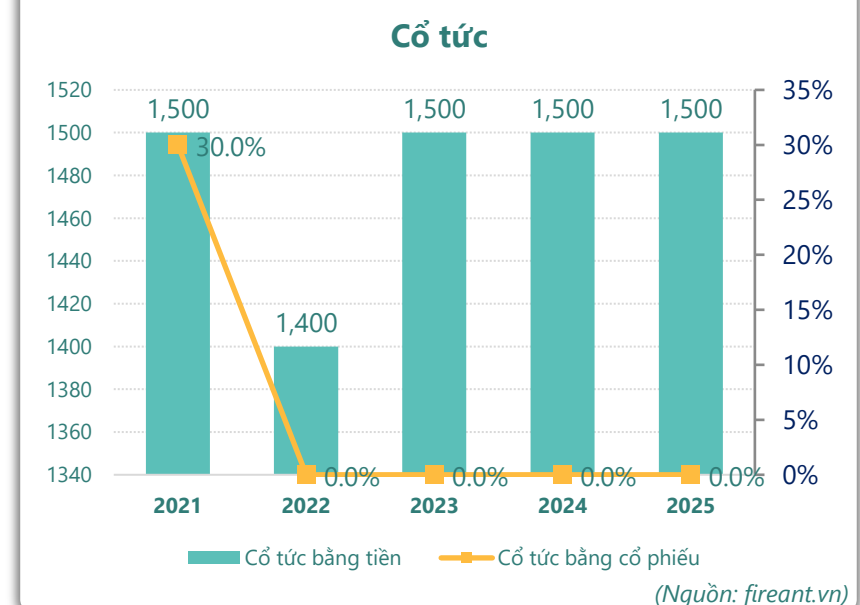
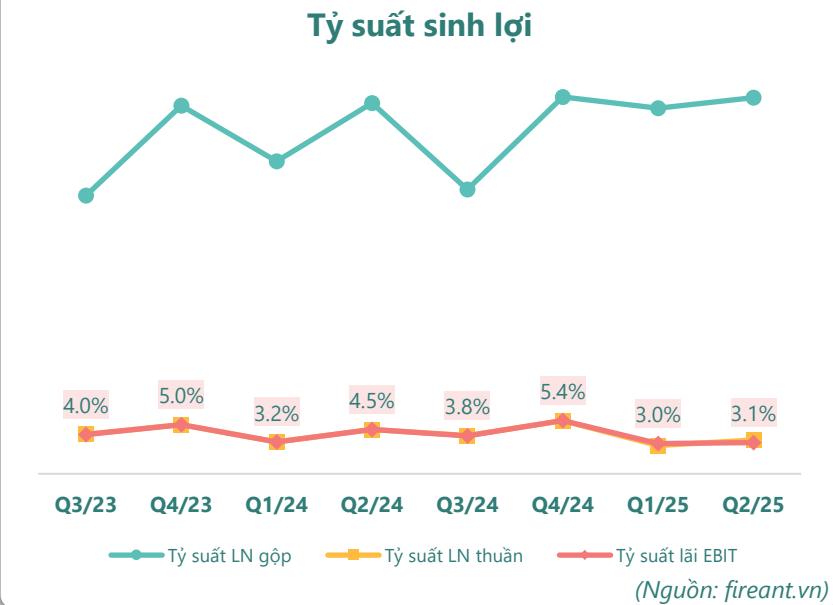
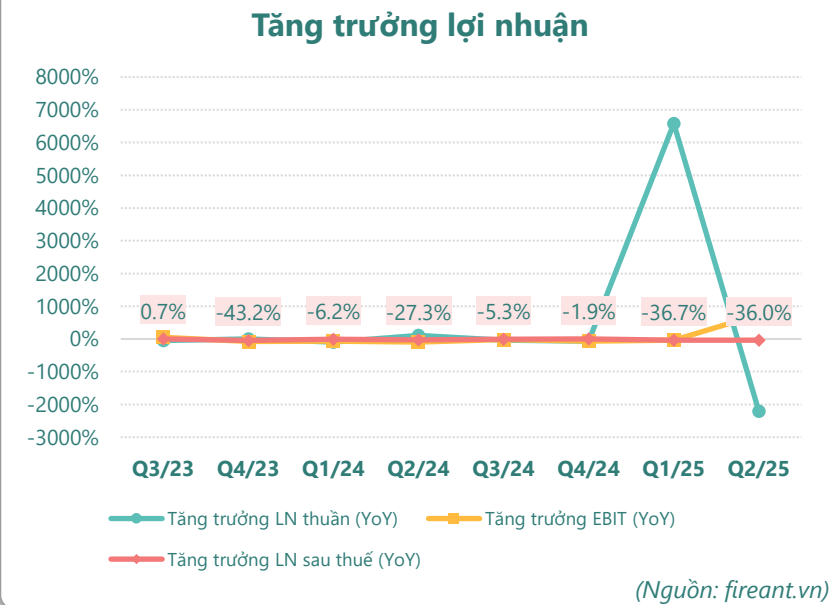
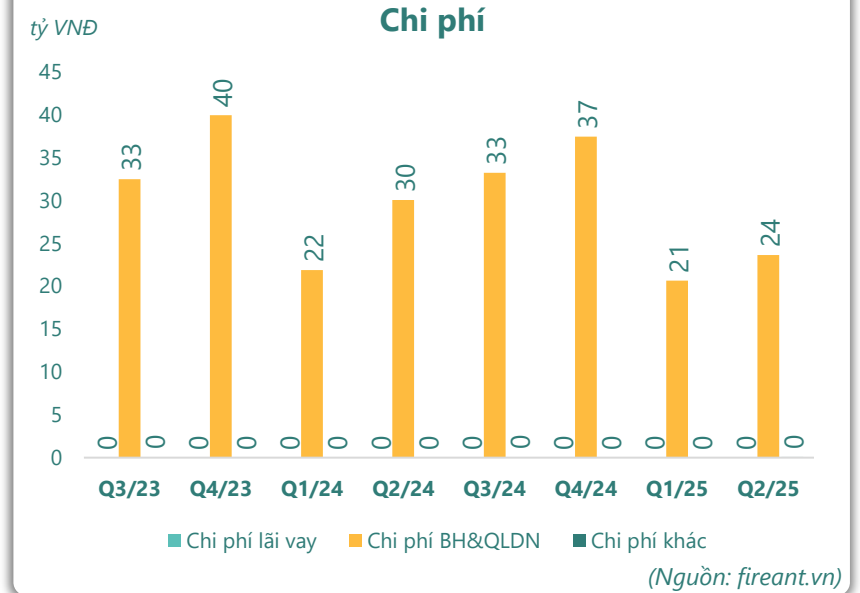
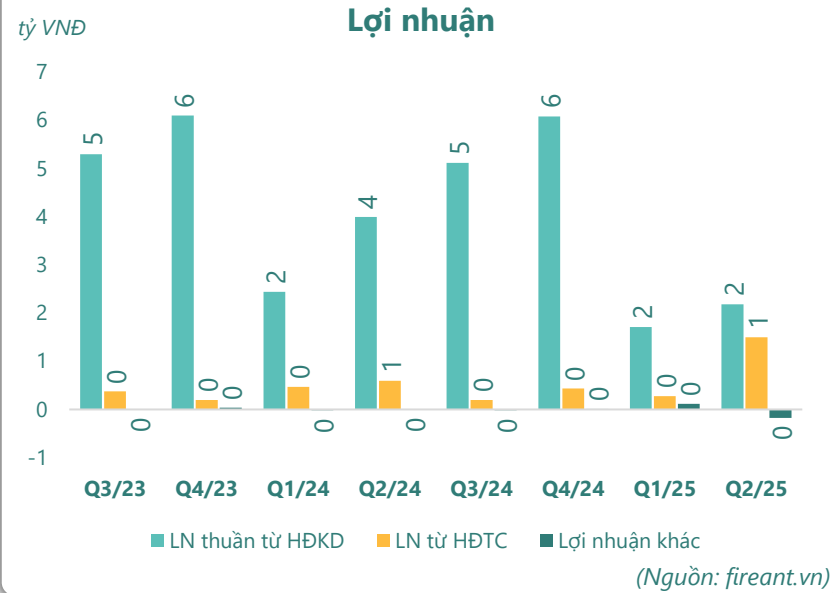
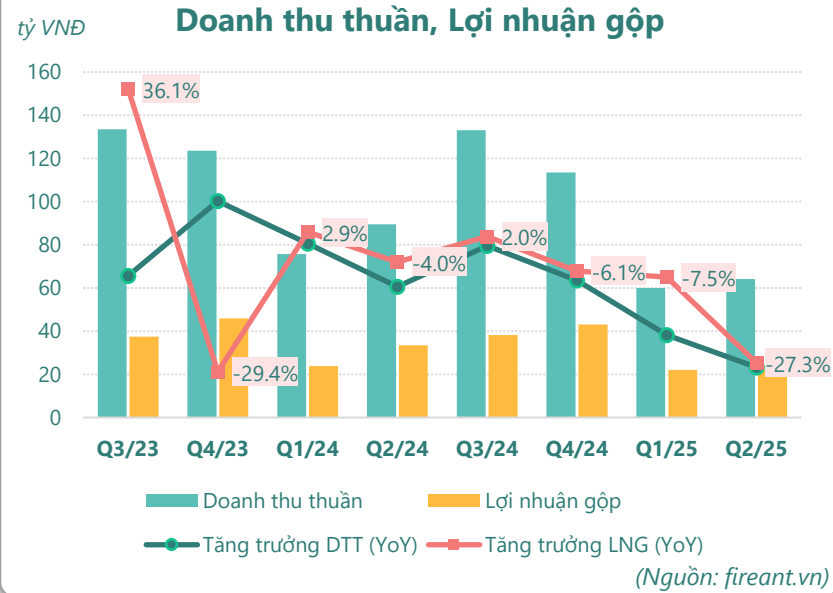
DT thuần 6T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.0 -24.9%

LN thuần 6T 2025
3.89
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.54 -39.5%

LN sau thuế 6T 2025
3.02
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.12 -41.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH

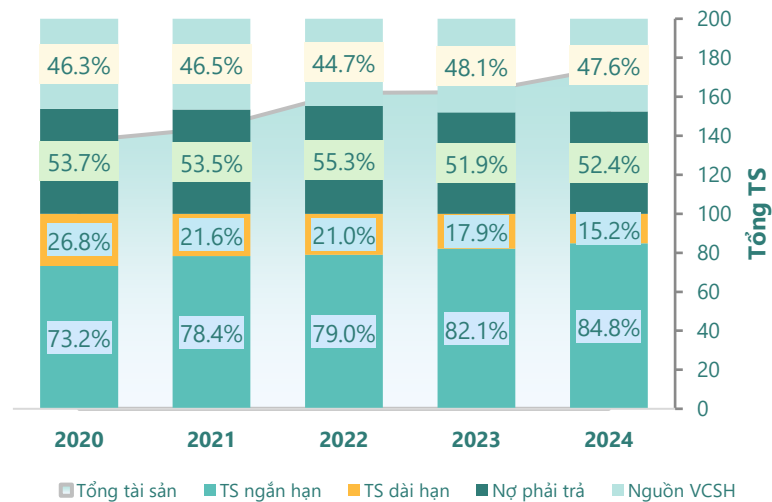




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

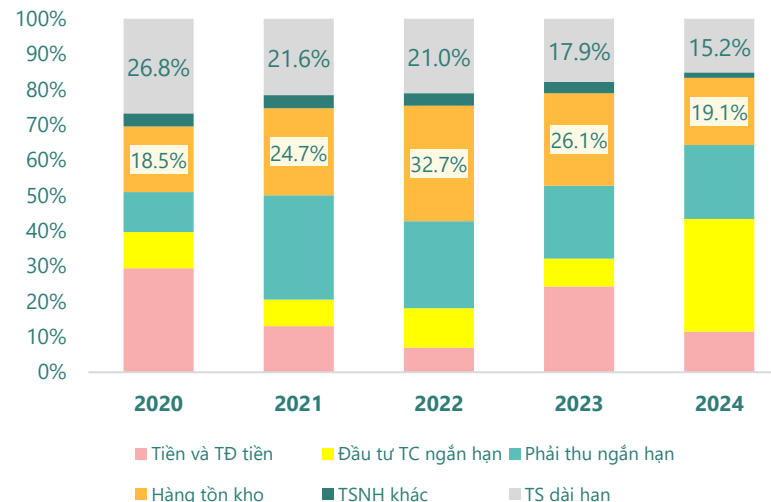
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

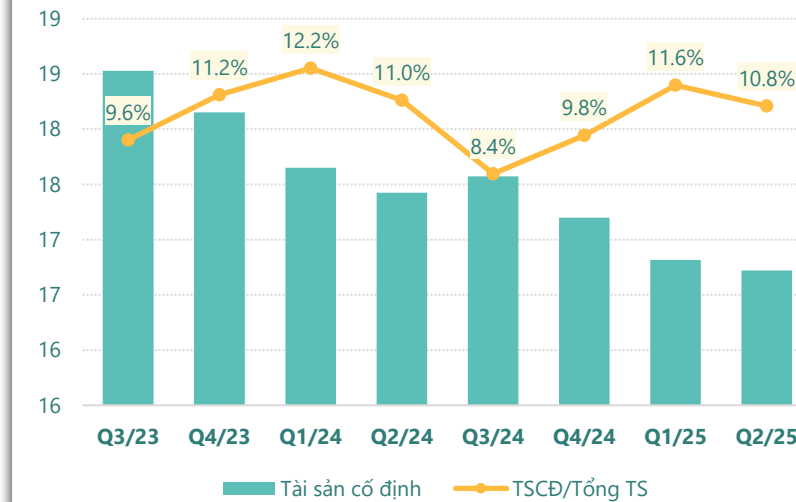
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

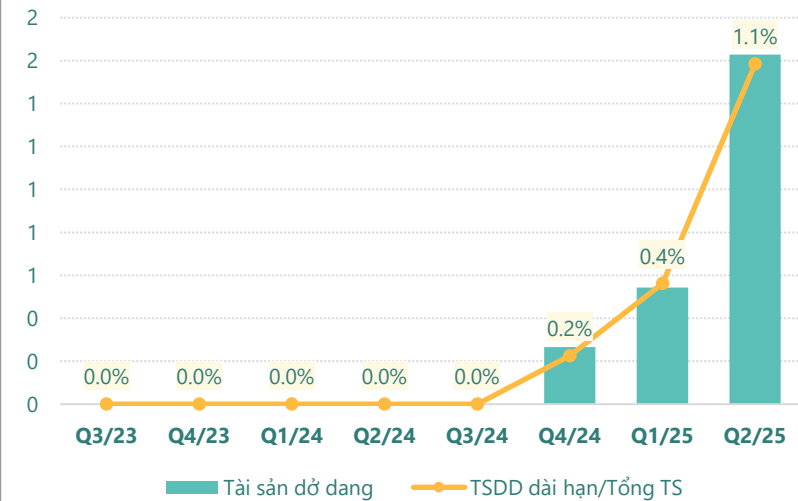
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

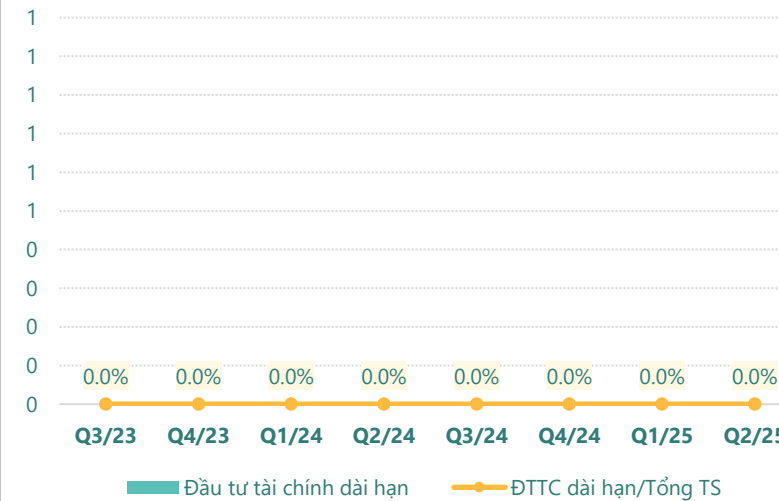
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

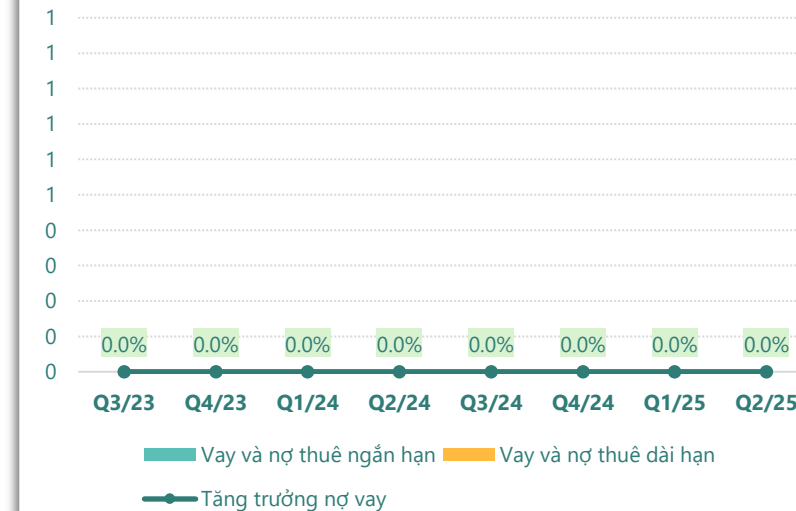
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

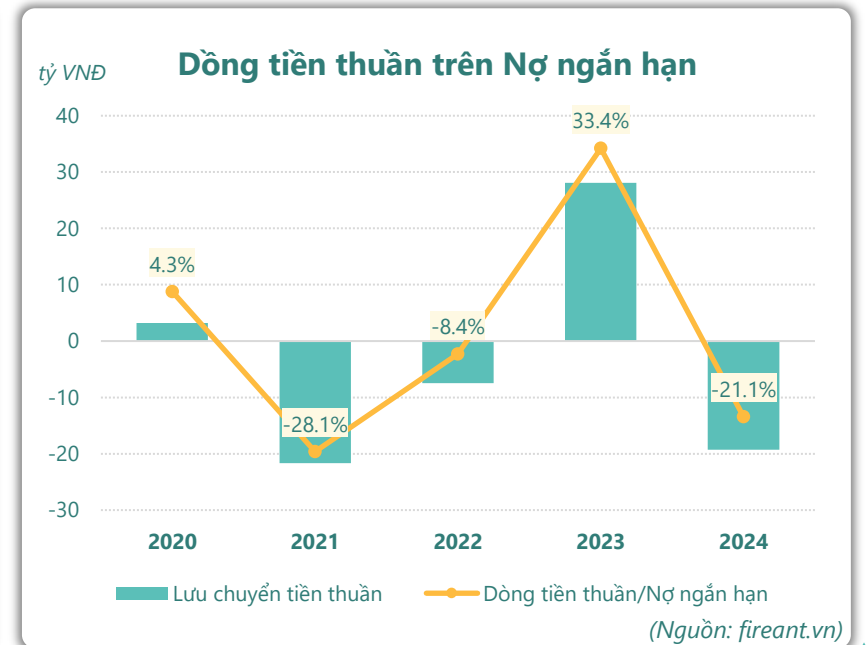
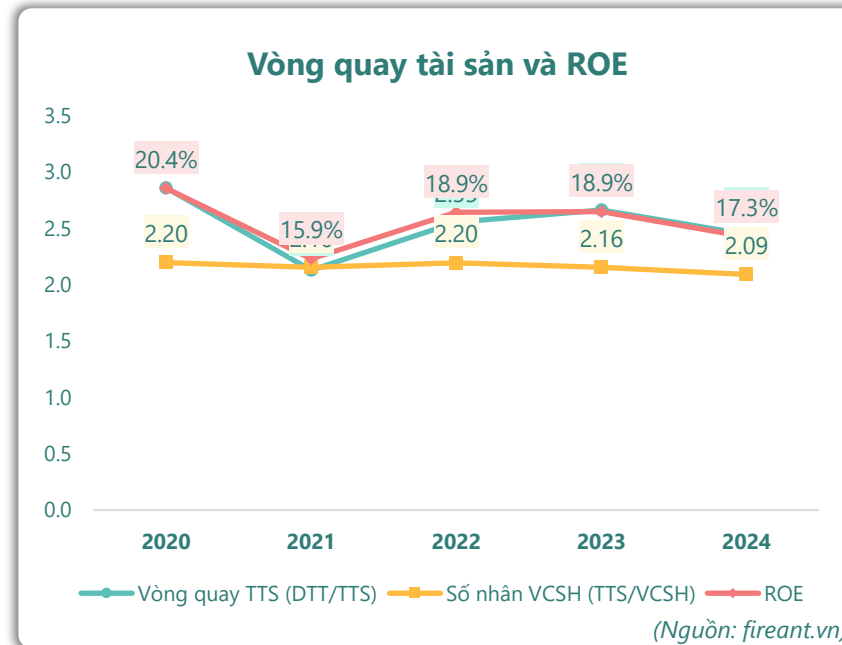
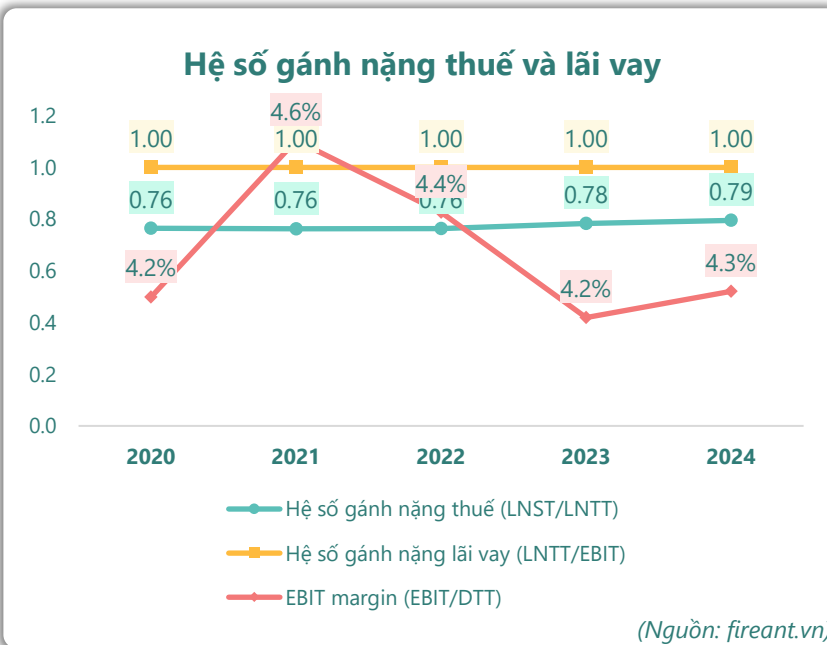
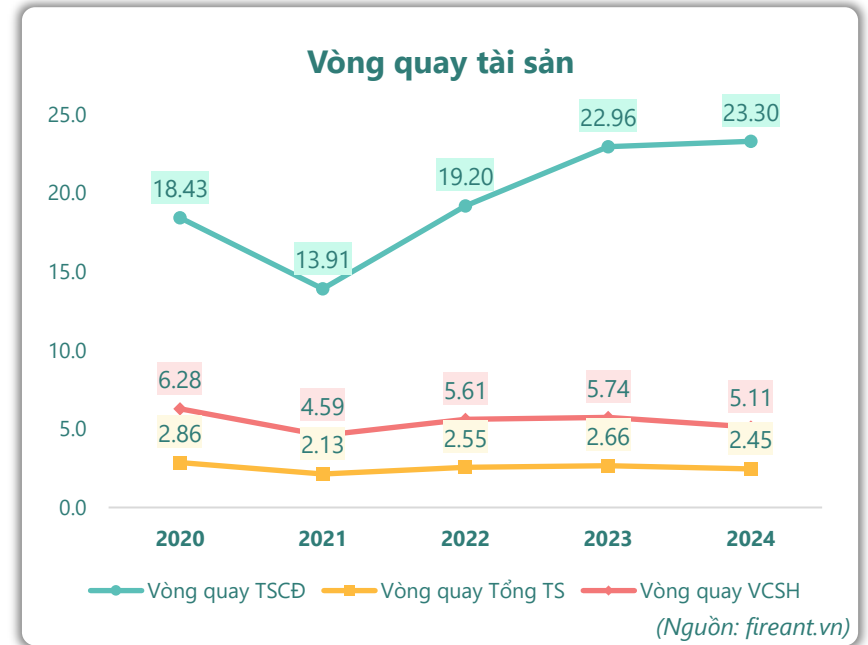
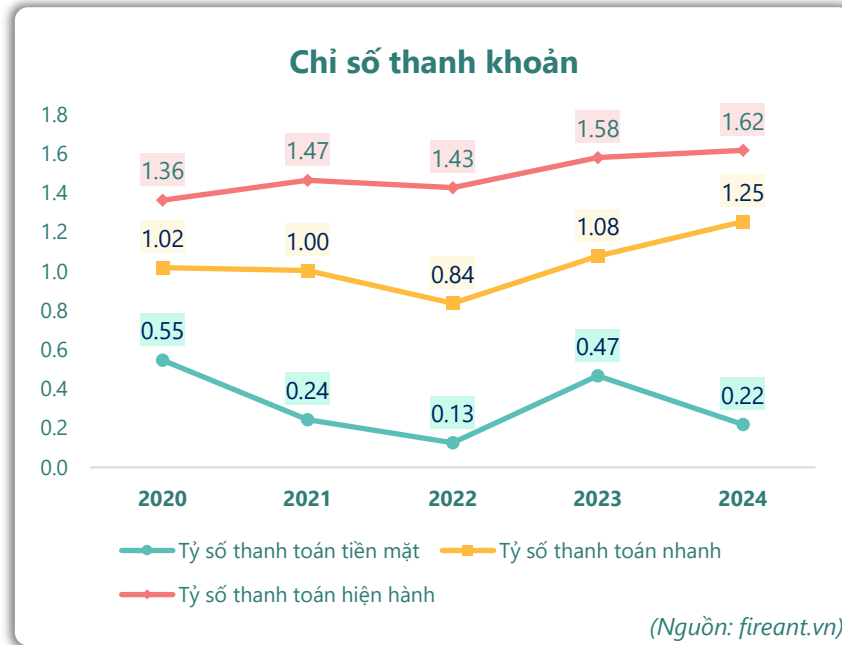
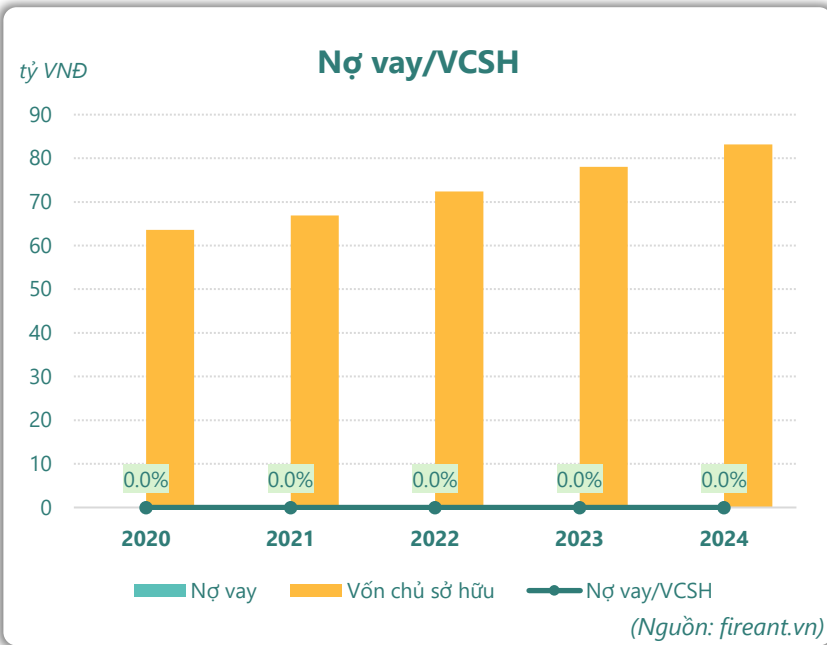
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	64.1	89.5	-28.3%	124	165	-24.9%
Giá vốn hàng bán	39.8	56.1	-29.0%	77.7	108	-28.1%
Lợi nhuận gộp	24.3	33.5	-27.4%	46.4	57.3	-19.0%
Doanh thu HĐTC	1.50	0.59	154%	1.87	1.07	74.9%
Chi phí TC	0	0.00		0.10	0.01	863%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	20.2	26.0	-22.4%	37.8	44.0	-14.3%
Chi phí QLDN	3.48	4.04	-14.0%	6.56	7.94	-17.5%
LN thuần từ HĐKD	2.18	3.99	-45.3%	3.89	6.43	-39.5%
Lợi nhuận khác	-0.17	0.00		-0.05	-0.02	-182%
LN trước thuế	2.01	3.99	-49.7%	3.83	6.41	-40.2%
Lợi nhuận sau thuế	1.57	3.31	-52.5%	3.02	5.14	-41.1%
LNST của CĐ cty mẹ	1.57	3.31	-52.5%	3.02	5.14	-41.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.53	-0.29	7.16	24.5	-11.8	-7.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.85	3.15	3.14	-44.7	5.04	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-5.92	-0.06	0.01	0	-5.94
Tiền đầu kỳ	39.3	33.0	29.9	40.1	20.0	13.3
Lưu chuyển tiền thuần	-6.37	-3.06	10.2	-20.1	-6.76	-3.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.0	29.9	40.1	20.0	13.3	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	154	175	-11.8%
Tài sản ngắn hạn	122	148	-17.7%
Tiền và tương đương tiền	10.1	20.0	-49.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.4	55.8	-31.0%
Phải thu ngắn hạn	23.4	36.6	-35.9%
Hàng tồn kho	46.6	33.4	39.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.53	2.64	33.7%
Tài sản dài hạn	32.1	26.5	20.9%
Phải thu dài hạn	4.55	4.76	-4.5%
Tài sản cố định	16.7	17.2	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.63	0.27	513%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.18	4.27	115%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.8	91.7	-16.3%
Nợ ngắn hạn	76.8	91.7	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	54.5	47.2	15.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	77.4	83.2	-6.9%
Vốn chủ sở hữu	77.4	83.2	-6.9%
Vốn điều lệ	39.8	39.8	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

